



Tình hình dịch bệnh do virus trên heo và gia cầm 2025

GS. TS. Nguyễn Ngọc Hải
Cố vấn cao cấp P&Y

Tình hình dịch bệnh chung trên heo (10/2024 – 07/2025)

Chỉ tiêu	Số lượng mẫu XN	Số lượng mẫu dương tính	Tỷ lệ, %
ASFV	8791	820	9,33
PRRSV	879	282	32,08
PCV2	769	262	34,07
PCV3	84	28	33,33
CSFV	85	5	5,88
JEV	76	16	21,05
ADV	49	2	4,08
Parvovirus	15	1	6,66
PEDV	41	6	14,63
Rotavirus	25	4	16,00
TGEV	25	0	0
SIV	6	1	16,67

Tình hình dịch bệnh ASF: theo loại mẫu

Loại mẫu (PCR)	Số lượng	Số lượng (+)	Tỉ lệ (+), %	Ct trung bình
Máu	6547	502	7,67	23,63
Mô	563	150	26,64	19,84
Swab	1089	81	7,44	34,21
Swab nền chuồng	130	24	18,46	36,83
Thai sẩy	26	2	7,69	33,94
Cuống rốn, nhau thai, dịch ối	8	0	0,00	0
Dịch (mũi, âm hộ, khớp)	22	0	0,00	0
Nước bọt	357	53	14,85	34,26
Phân	12	0	0,00	0
Tinh dịch	1	0	0,00	0
Bột xương thịt	36	8	22,22%	35,23

Tình hình dịch bệnh ASF

Loại mẫu (ELISA)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỷ lệ (+), %
Huyết thanh	11499	396	3,44

Genotype	Số lượng mẫu	Tỷ lệ, %
Genotype 2	123	76,40
Tái tổ hợp genotype 1 và 2	38	23,60
Tổng	161	100

Daklak, BRVT, Tiền Giang, Bình Dương, Kiên Giang, Long An, Daknong, Đồng Nai, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Bình Định, Lâm đồng...

Chủng xoá gen	Số lượng mẫu (+), n = 52	Tỷ lệ, %
Chủng ASFV-ΔI177L	3	5,77
Chủng ASFV-ΔMGF	11	21,15
Chủng ASFV-ΔI177L/ΔLVR	0	0,00
Âm tính cả 3	38	73,08

Tình hình dịch bệnh PRRSV

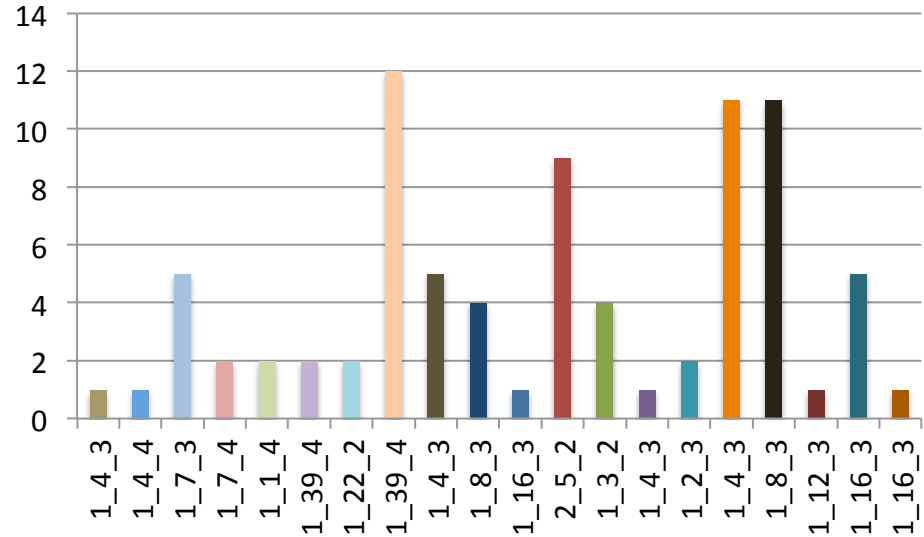
Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Tỷ lệ mẫu (+), %	Tỷ lệ mẫu dương tính EU	Tỷ lệ mẫu dương tính NA	Tỷ lệ mẫu dương tính HP	Tỷ lệ mẫu dương tính HP và EU	Tỷ lệ mẫu dương tính NA và EU
Máu	646	42,6%	3,25%	22,14%	1,08%	0,00%	2,94%
Mô (phổi, hạch, lách, thận)	124	61,6%	4,03%	37,10%	3,23%	0,00%	14,52%
Nước bọt	14	17,07%	0,00%	14,29%	0,00%	0,00%	0,00%
Cuống rốn, dịch thiên, đuôi, tinh hoàn	63	16,67%	1,59%	15,87%	0,00%	0,00%	4,76%
Thai sẩy	25	13,79%	0,00%	4,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Swab	5	4,35%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Dịch khớp	2	0,00%	0,00%	100,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng	879	32,08%	3,07%	23,21%	1,25%	0,00%	4,55%

Tình hình dịch bệnh PRRSV

Lineage và sublineage

Genotype 2	Số lượng n= 81	Tỷ lệ, %
Sublineage L1A	9	11,11
Sublineage L1E	3	3,70
Sublineage L1I	14	17,28
Lineage L4	10	12,35
Sublineage L5A	9	11,11
Sublineage L8C	4	4,94
Sublineage L8E	1	1,23
Lineage L10	30	37,04
Lineage L11	1	1,23

RFLP



Tình hình dịch bệnh CSF

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+), %	Ct trung bình
Máu	69	4	5,80	36,02
Mô	16	1	6,25	36,11
Tổng	85	5	5,88	36,01

Tình hình dịch bệnh PCV2/ PCR

Loại mẫu	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+), %	Số copy/ ml/ g
Máu	490	166	33,87	$1,70 \times 10^5$
Mô	64	12	18,75	$3,92 \times 10^7$
Cuống rốn, đuôi, tinh hoàn	11	1	9,09	$2,76 \times 10^3$
Thai sẩy	33	1	3,03	$1,83 \times 10^3$
Nước bọt	67	37	55,22	$9,41 \times 10^3$
Phân	145	60	41,38	$2,34 \times 10^4$
Dịch khớp	2	0	0,00	-
Tổng	812	277	34,11	

24/ 24 chủng = PCV2d

Tình hình dịch bệnh PCV3/ PCR

Loại mẫu	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+), %	Số copy/ ml/ g
Máu	84	29	34,52	$1,62 \times 10^4$
Mô	24	14	58,33	$2,19 \times 10^5$
Cuống rốn	8	4	50	$4,13 \times 10^6$
Thai sẩy	11	0	0,00	-
Tổng	127	47	37,00	

Đồng nhiễm PCV2 + PCV3 = 26,47% (9/34 mẫu)

Tình hình dịch bệnh Parvovirus

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Máu	2	0	0,00%
Mô	4	0	0,00%
Thai sẩy	9	1	11,11%
Tổng	15	1	6,67%

Tình hình dịch bệnh ADV (Aujeszky disease virus)

Loại mẫu (PCR IgE)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Máu	4	0	0,00%
Mô	34	2	5,88%
Dịch khớp, dịch sầy thai	4	0	0,00%
Thai sẩy	5	0	0,00%
Swab	2	0	0,00%
Tổng	49	2	

Loại mẫu (ELISA IgE)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Huyết thanh	388	13	3,35%

Tình hình dịch bệnh PEDV, Rotavirus

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu XN	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)	Ct trung bình
Phân	31	3	9,68%	26,42
Ruột	10	3	30,00%	21,55
Tổng	41	6	14,63%	23,99

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu XN	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)	Ct trung bình
Phân	16	2	12,50%	30,48
Ruột	9	2	22,22%	31,63
Tổng	25	4	16,00%	31,05

Tình hình dịch bệnh SIV

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu XN	Số lượng mẫu (+)
Máu	2	0
Phổi	1	0
Swab	2	0
Dịch mũi	1	1
Tổng	6	1

Tình hình dịch bệnh JEV

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu XN	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+), %	Ct trung bình
Máu	22	0	0,00	0,00
Mô (não, phổi, tim, gan, hạch...)	19	5	26,32	21,86
Thai sẩy	25	11	44,00	23,49
Cuống rốn, dịch ối, nhau thai...	6	0	0,00	0,00
Tinh heo	4	0	0,00	0,00
Tổng	76	16	21,05	

Loại mẫu (ELISA)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+), %
Huyết thanh	508	302	59,4
Trại	34	34	100

Những vấn đề lưu ý về dịch bệnh trên heo

PRRSV

- Tác nhân gây bệnh quan trọng nhất
- Đa dạng di truyền và miễn dịch phức tạp

ASFV:

- Khuyết gien MGF, I177L (26,92%)
- Tái tổ hợp (23,6%) ở > 13 tỉnh
- Báo động đỏ ASFV (+), 8/36 mẫu bột xương thịt

Báo động đỏ tình trạng nhiễm JEV trên đàn nái:

- 34/34 trại +
- 59,4% mẫu cá thể (+) kháng thể
- 44% thai sẩy XN (+) JEV

PCV2 và PCV3 dương tính phổ biến dạng cận lâm sàng

Tình trạng nhiễm ghép virus + vi khuẩn

Đồng nhiễm	Số mẫu (+)	Tỷ lệ, %
ASFV + PRRSV	28 (n = 134)	20,90%
ASFV + <i>Haemophilus parasuis</i>	5 (n = 11)	45,45%
ASFV + PRRSV + <i>Haemophilus parasuis</i>	3 (n = 11)	27,27%
ASFV + PCV2	4 (n= 26)	15,38%
ASFV + CSFV	2 (n=18)	11,11%
PRRSV + PCV2	16 (n= 86)	18,60%
PRRSV + PCV3	5 (n=27)	18,52%
PRRSV + <i>Haemophilus parasuis</i>	7 (n=14)	50,00%
PRRSV + <i>Haemophilus parasuis</i> + PCV2	1 (n =3)	33,33%
ASFV+ PRRSV + <i>Haemophilus parasuis</i> + PCV2	1 (n =3)	33,33%

Tình hình dịch bệnh chung trên gia cầm/ PCR

Chỉ tiêu	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỷ lệ, %
NDV	31	7	22,58
AIV	117	34	29,06
IBV	45	40	88,89
IBDV	7	5	71,43
MDV-serotype 1	22	20	90,9
CAV	3	3	100
ILTV	12	3	25,0
EDS	11	0	0
ALV-J	50	19	38,0

Chỉ tiêu	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỷ lệ, %
APV	28	11	39,29
REO	1	0	0
DuCV	15	10	66,67
NDRV	9	0	0
DVE	6	3	50,0
TMUV	9	6	66,67
DHAV	6	3	50
Waterfowl Parvovirus	36	5	13,89

Tình hình dịch bệnh chung trên gia cầm/ ELISA

Chỉ tiêu	Tỷ lệ mẫu (+) kháng thể, %	Tỷ lệ mẫu (+) kháng nguyên, %
IBV	94,68	88,89
IBDV	84,59	71,43
ILTV	34,15	25,0
EDS	85,00	0
APV	80,00	39,29

Vấn đề lưu ý dịch bệnh Gia cầm

- AIV: 29,6% (34/117) / 21,05% (16/76) năm 2024)
- IBV
 - Kháng thể: 94,68% (+)
 - Virus: 76,19% chủng QX
 - 2024: Variant QX: 14/20 (70%) , 4/91: 4/20 (20%) và Massachusetts: 2/ 20 (10%).
- IBDV
 - Kháng thể: 84,59% (+)
 - Virus
 - Serotype 1/ chủng độc lực cổ điển (classical virulent IBDV): 20% (1/5)
 - Serotype 1/ chủng độc lực rất cao (very virulent)/ vvIBDV: 80% (4/5)

Vấn đề lưu ý dịch bệnh gia cầm

- DuCV (Duck Circovirus)
- Waterfowl Parvovirus (Bệnh mỏ ngắn ở vịt)
(5/36 mẫu +)
- DEV (Duck Enteritis Virus)
- TMUV (Tembusu virus)
- DHAV (Duck Hepatitis A Virus) (3/6 mẫu +)

Kính chúc sức khỏe, an lành và thành công

